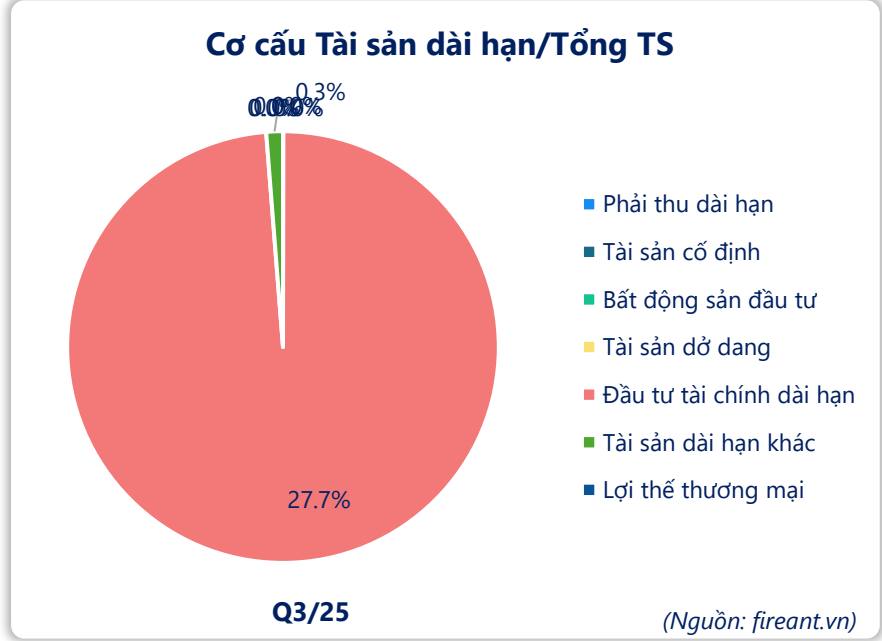
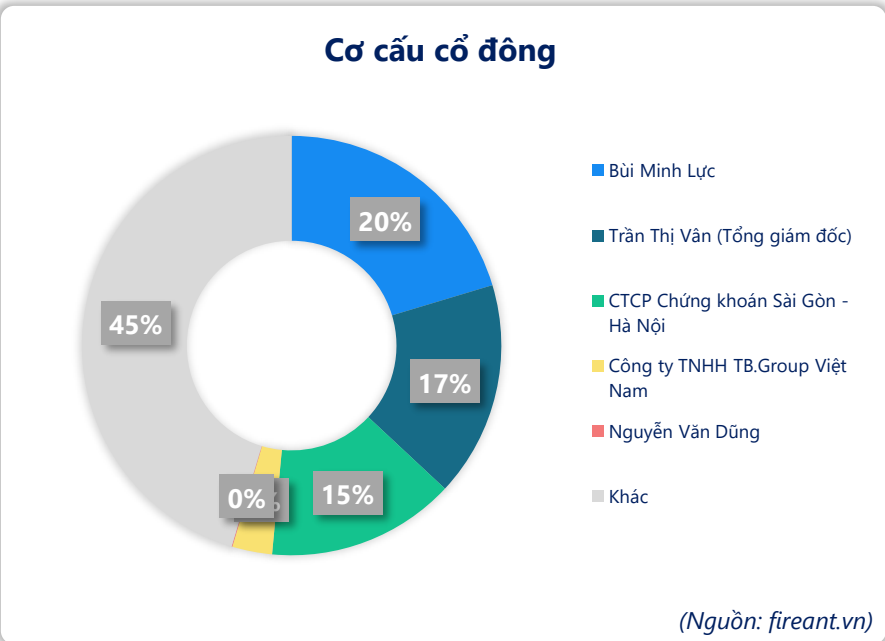
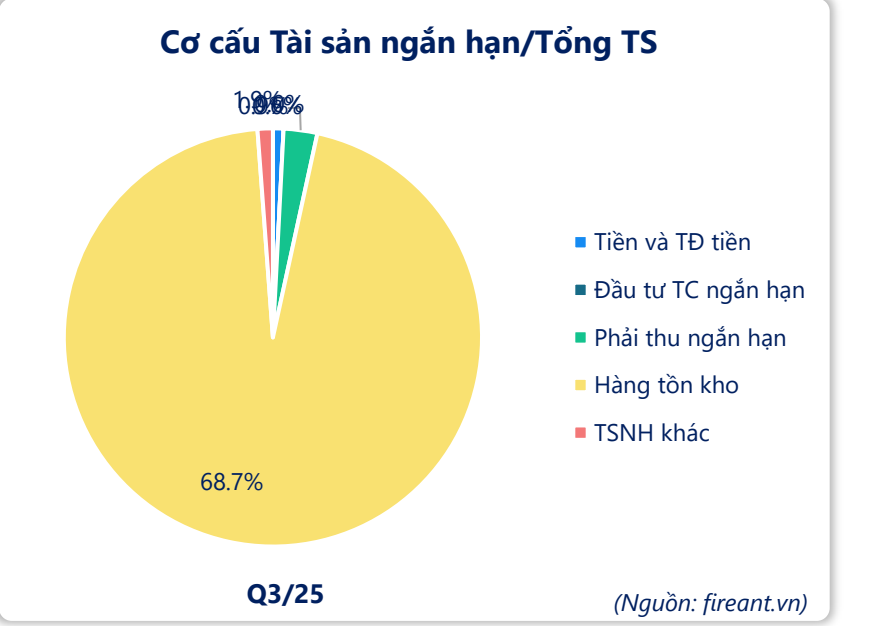
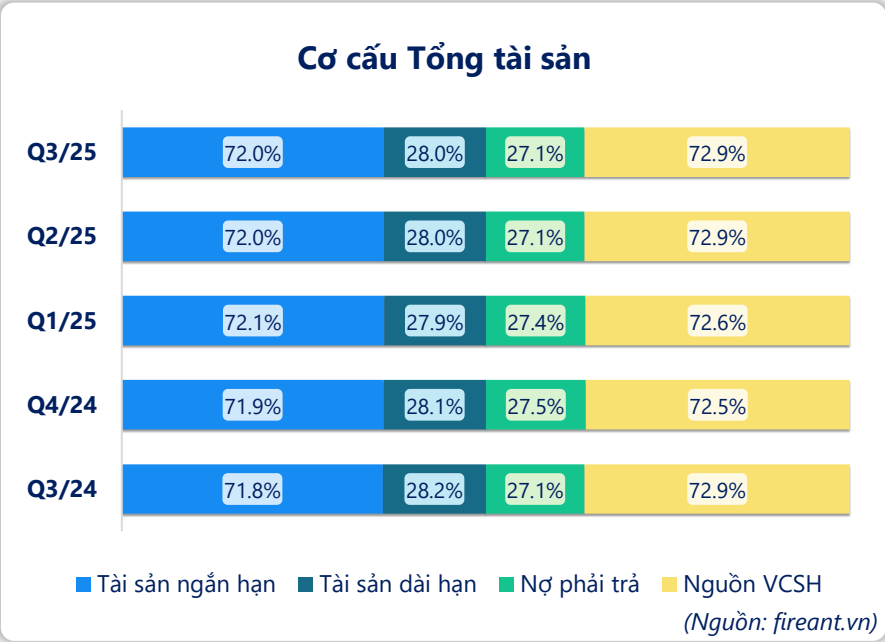
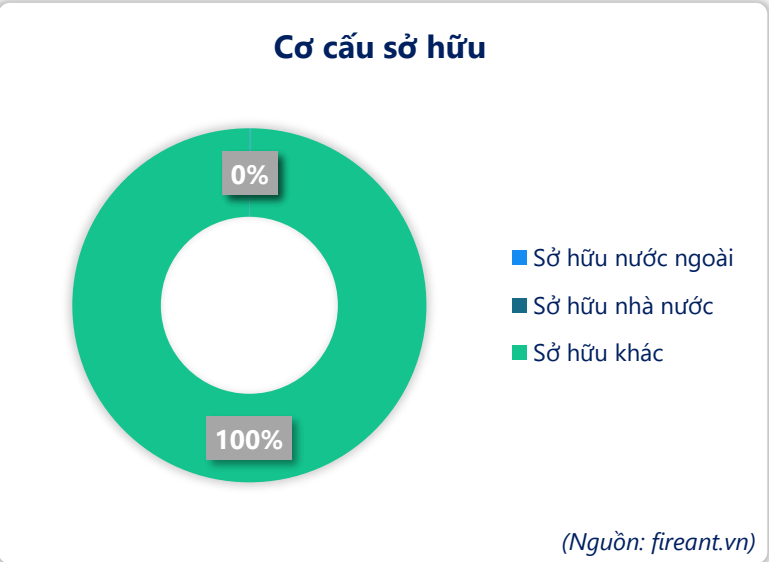
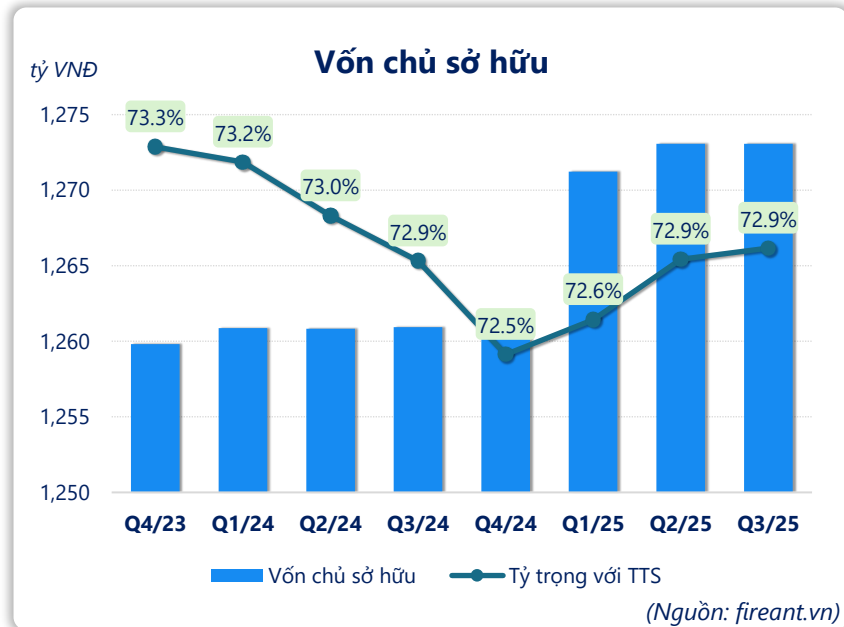
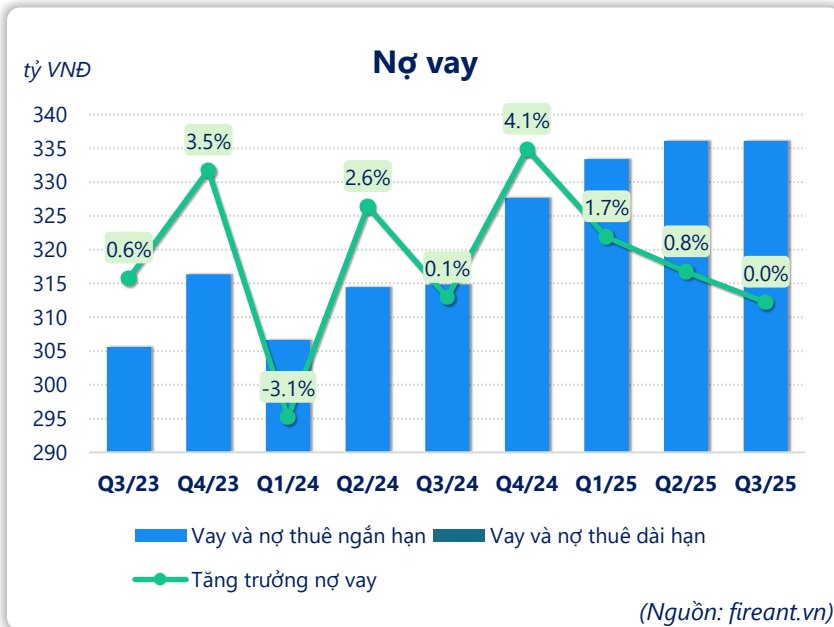
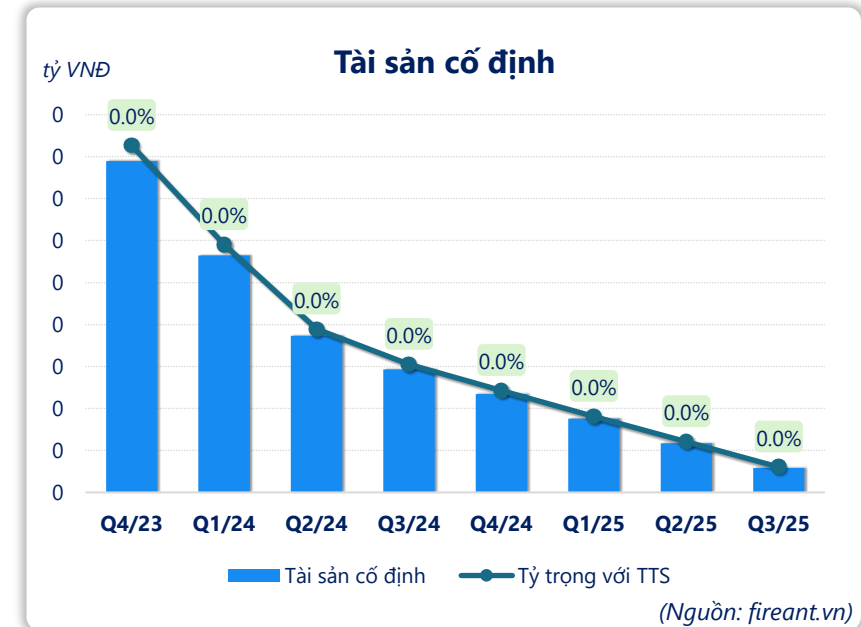
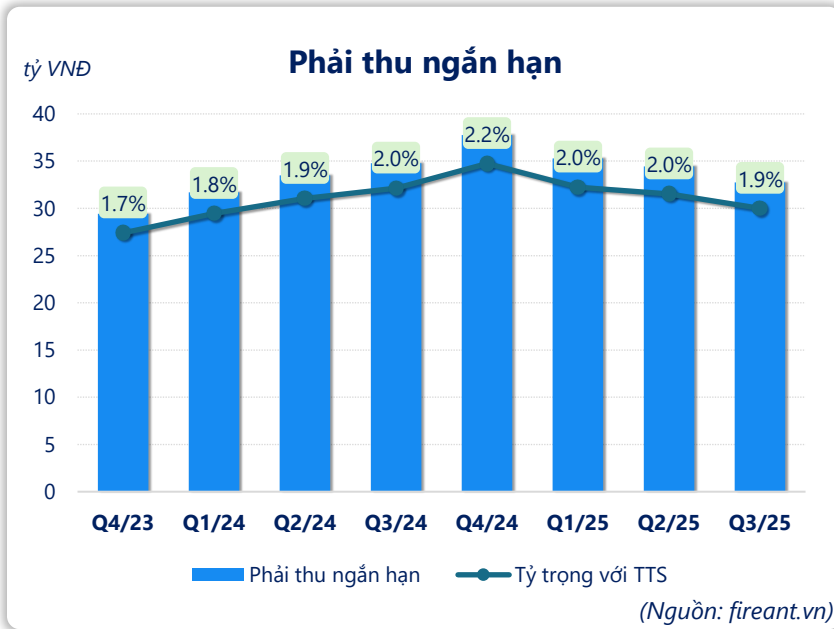
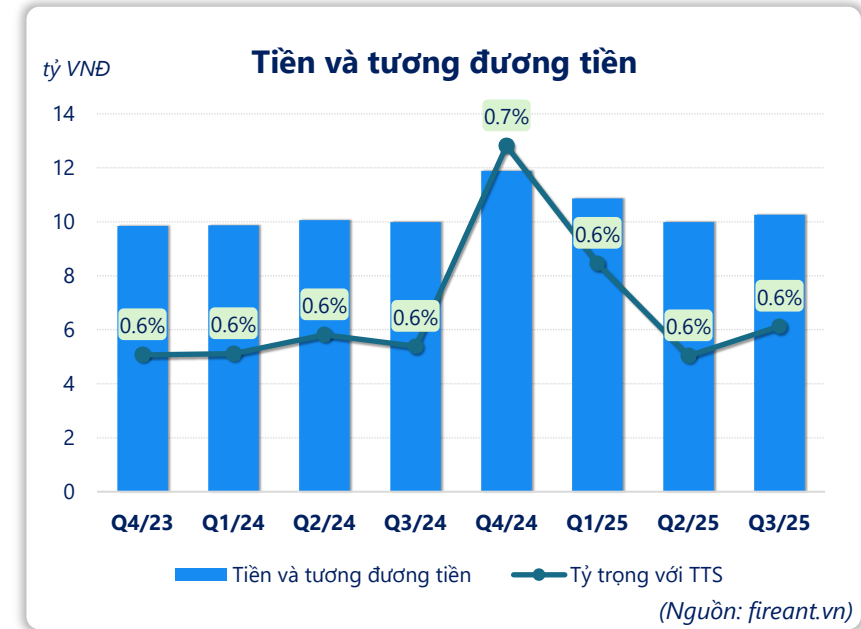
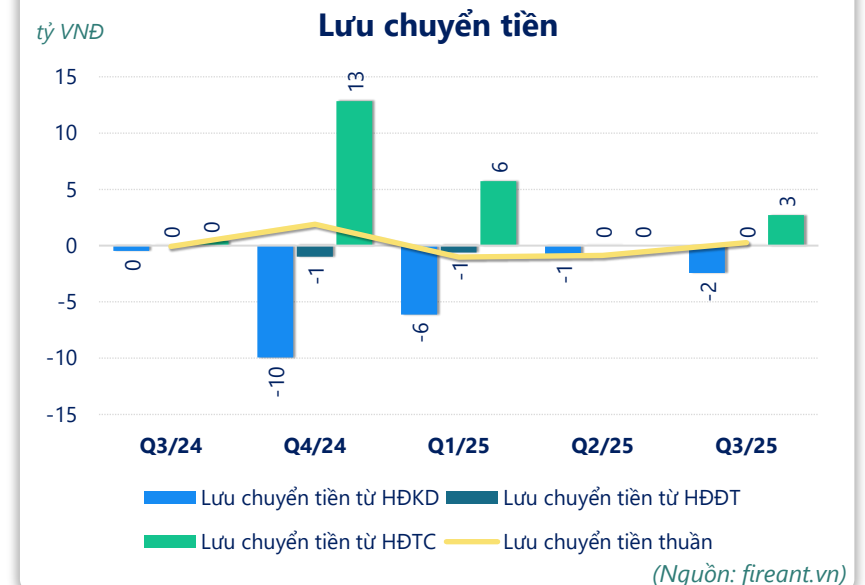
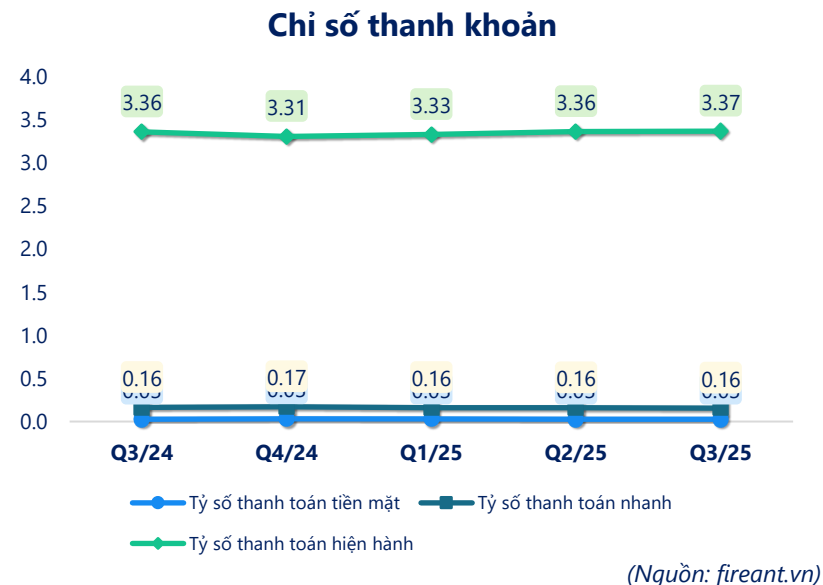
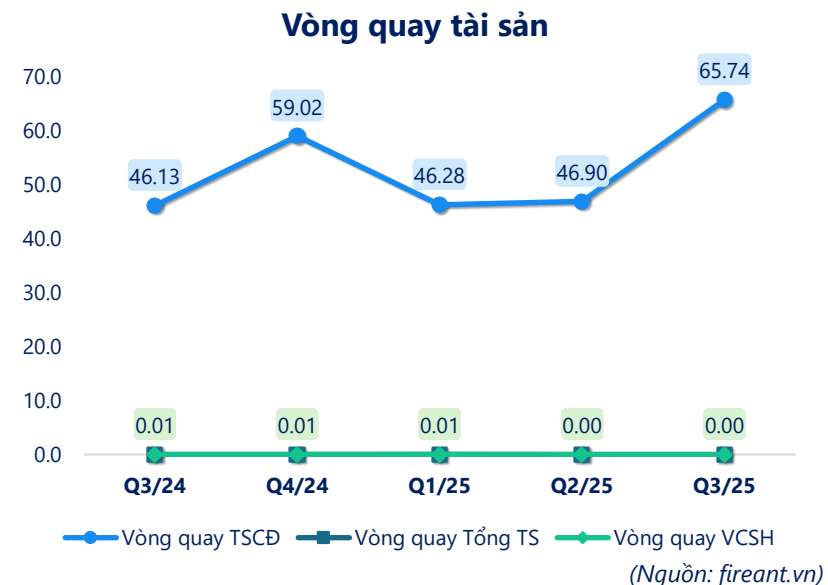
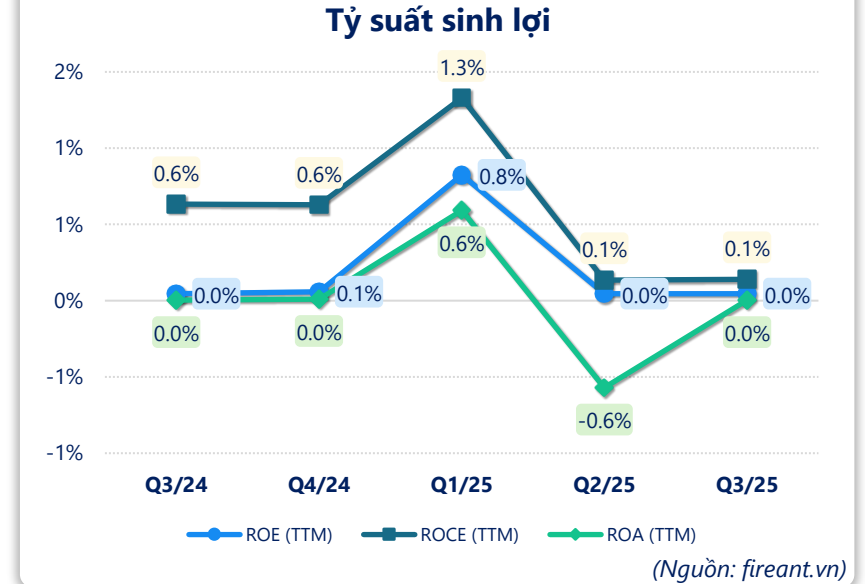
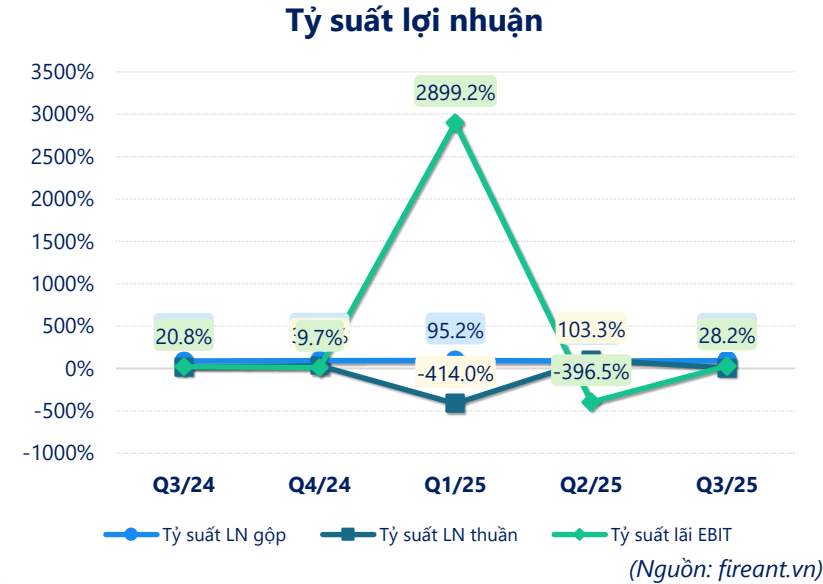
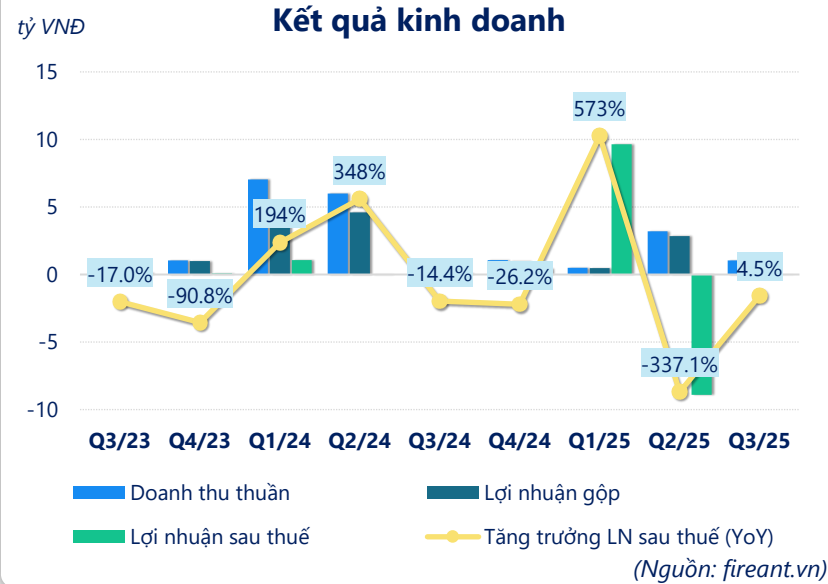


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,500
SL cổ phiếu LH		50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		38,740
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		698
P/E		1188.3
EPS		12

	YTD	1T	3T	6T
VRC	20.3%	-6.7%	10.3%	-2.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,746	1,740	0.4%
Tài sản ngắn hạn	1,257	1,251	0.5%
Tiền và tương đương tiền	10.3	11.9	-13.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	32.7	37.6	-13.0%
Hàng tồn kho	1,199	1,186	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	14.9	15.1	-1.4%
Tài sản dài hạn	489	489	0.0%
Phải thu dài hạn	0.13	0.13	0.0%
Tài sản cố định	0.03	0.12	-75.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	483	483	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.09	5.81	4.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	473	478	-1.0%
Nợ ngắn hạn	373	378	-1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	336	328	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.69	0.69	0.0%
Nợ dài hạn	100	100	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,273	1,262	0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,273	1,262	0.9%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1.01	1.07	0.49	3.19	1.04
Giá vốn hàng bán	0.09	0.06	0.02	0.34	0.07
Lợi nhuận gộp	0.92	1.00	0.46	2.85	0.97
Doanh thu HĐTC	0.00	0.12	0.07	0.07	0.05
Chi phí TC	0.07	-0.44	1.72	-1.23	0.23
Chi phí lãi vay	0.07	-0.44	1.72	-1.23	0.23
LN trong công ty LKLD	-0.01	-0.01	-0.01	-0.02	-0.02
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.70	1.19	0.83	0.84	0.71
LN thuần từ HĐKD	0.14	0.37	-2.02	3.29	0.06
Lợi nhuận khác	0.00	0.18	14.5	-14.7	0
LN trước thuế	0.14	0.55	12.4	-11.4	0.06
Lợi nhuận sau thuế	0.09	0.42	9.65	-8.90	0.03
LNST của CĐ cty mẹ	0.05	0.18	10.3	-9.91	0.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.48	-9.95	-6.13	-0.88	-2.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.99	-0.60	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.40	12.8	5.71	0	2.70
Tiền đầu kỳ	10.1	9.98	11.9	10.9	9.99
Lưu chuyển tiền thuần	-0.08	1.90	-1.02	-0.87	0.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.98	11.9	10.9	9.99	10.3

(Nguồn: fireant.vn)